

Số: 31 /2018/QĐ-UBND

Bạc Liêu, ngày 18 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế Thi đua, Khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy chế Thi đua, Khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể, các đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, các doanh nghiệp trong tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 12 năm 2018 và thay thế Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu./.

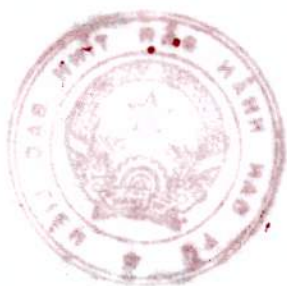
Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VP: HĐND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (để tư kiểm tra);
- Trung tâm CB-TH (đăng công báo);
- Lưu: VT, (TN.QĐ-02).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đương Thành Trung



QUY CHẾ

Thi đua, Khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu
(Ban hành kèm theo Quyết định số: *31* /2018/QĐ-UBND
ngày 18 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh, bao gồm: Đối tượng thi đua, khen thưởng; trách nhiệm và thẩm quyền quyết định khen thưởng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, xã, phường, thị trấn; các đơn vị thuộc các thành phần kinh tế; nội dung thi đua, tổ chức phong trào thi đua; tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua; các hình thức, đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng; thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng; sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng, mức tiền khen thưởng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Tập thể, cá nhân trong các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, nghề nghiệp, tổ chức kinh tế thuộc các thành phần kinh tế, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, công nhân, nông dân, hộ gia đình; người Việt Nam đang sinh sống ở nước ngoài, người nước ngoài và các tổ chức nước ngoài đang làm việc tại Việt Nam có đóng góp hoặc tham gia phong trào thi đua của tỉnh có thành tích tiêu biểu, xuất sắc đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của tỉnh.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

1. Nguyên tắc thi đua:

a) Thực hiện trên nguyên tắc tự nguyện, tự giác, công khai, đảm bảo tinh thần đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển.

b) Việc xét tặng các danh hiệu thi đua phải căn cứ vào kết quả của phong trào thi đua. Cá nhân, tập thể tham gia phong trào thi đua phải có đăng ký giao ước thi đua, xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu thi đua; nếu không đăng ký thi đua sẽ không được xem xét, công nhận các danh hiệu thi đua.

Danh hiệu thi đua gồm:

Danh hiệu thi đua đối với cá nhân;

Danh hiệu thi đua đối với tập thể;

Danh hiệu thi đua đối với hộ gia đình.

c) Các danh hiệu thi đua phải được đăng ký ngay từ đầu năm và gửi Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) trước ngày 20/02 hàng năm (riêng Ngành Giáo dục gửi trước ngày 10/10 hàng năm).

2. Nguyên tắc khen thưởng:

a) Thành tích đạt được trong điều kiện khó khăn và có phạm vi ảnh hưởng lớn được khen thưởng mức cao hơn. Chú trọng khen thưởng cá nhân là người trực tiếp lao động, công tác, chiến đấu (công nhân, nông dân, chiến sĩ) và cá nhân có nhiều sáng tạo trong lao động, công tác.

b) Khi xét khen thưởng người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải căn cứ vào thành tích của tập thể do cá nhân đó lãnh đạo.

c) Đối với khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được, khi có nhiều cá nhân, tập thể cùng đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì lựa chọn cá nhân nữ và tập thể có tỷ lệ nữ từ 70% trở lên để xét khen thưởng.

d) Phải tổ chức họp xét, đánh giá phân loại cán bộ, công chức, người lao động trước và trên cơ sở đó bình xét danh hiệu thi đua, khen thưởng tổng kết năm đối với cá nhân.

đ) Thời gian đề nghị khen thưởng cho lần tiếp theo được tính theo thời gian lập được thành tích ghi trong quyết định khen thưởng lần trước. Đối với quyết định khen thưởng không ghi thời gian lập được thành tích thì thời gian trình khen thưởng lần sau được tính theo thời gian ban hành quyết định khen thưởng lần trước.

e) Khen thưởng phải đảm bảo thành tích đến đâu khen thưởng đến đó, không nhất thiết phải khen theo trình tự có hình thức khen thưởng mức thấp rồi mới được khen thưởng mức cao hơn; khen thưởng tập thể nhỏ và cá nhân là chính.

Chương II

TỔ CHỨC THI ĐUA VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 4. Hình thức và nội dung tổ chức phong trào thi đua

1. Hình thức tổ chức thi đua bao gồm: Thi đua thường xuyên và thi đua theo đợt (theo chuyên đề).

a) Thi đua thường xuyên được thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 4 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Thi đua theo chuyên đề (hoặc theo đợt) được thực hiện theo Khoản 2, Điều 4 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Thi đua theo chuyên đề tổ chức trong phạm vi Sở, Ban, Ngành, huyện, thị xã, thành phố, đoàn thể cấp tỉnh, khi tiến hành sơ kết, tổng kết, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện việc khen thưởng theo thẩm quyền. Trường hợp có thành tích đặc biệt tiêu biểu xuất sắc, khi sơ kết, tổng kết phong trào thi đua từ 03 (ba) năm trở lên, lựa chọn tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh xét tặng Bằng khen.

Khi tổ chức phong trào thi đua theo chuyên đề có phạm vi ngành thuộc Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, huyện, thị xã, thành phố có thời gian từ 02 (hai) năm trở lên, các Sở, Ban, Ngành, huyện, thị xã, thành phố gửi kế hoạch tổ chức phát động phong trào thi đua về Ban Thi đua, Khen thưởng tỉnh để tổng hợp và hướng dẫn xét khen thưởng.

c) Không khen thưởng (tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh) cho các tập thể hoặc cá nhân khi Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, huyện, thị xã, thành phố tiến hành sơ kết, tổng kết việc thực hiện luật, pháp lệnh, nghị định hoặc phục vụ hội nghị, hội thảo, diễn đàn.

2. Nội dung tổ chức phong trào thi đua:

Nội dung tổ chức phong trào thi đua thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP; Điều 5 Thông tư số 08/2017/TT-BNV và những nội dung sau:

a) Xác định mục tiêu, phạm vi, đối tượng thi đua phải trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, năng lực thực tế và yêu cầu phát triển của ngành, địa phương, đơn vị để đảm bảo tính khoa học, tính khả thi và đúng pháp luật qui định.

b) Xác định chỉ tiêu và thời gian thi đua phải trên cơ sở chỉ tiêu nhiệm vụ chính trị được cấp có thẩm quyền giao. Chỉ tiêu phấn đấu phải cao hơn, thời hạn hoàn thành phải sớm hơn.

c) Xác định biện pháp và kế hoạch tổ chức phối hợp giữa các cấp chính quyền, tổ chức Mặt trận, đoàn thể chính trị, chính trị xã hội, xã hội nghề nghiệp, các cơ quan thông tin đại chúng để tuyên truyền mục đích ý nghĩa của đợt thi đua, phát huy tinh thần trách nhiệm, ý thức tự giác của quần chúng, đa dạng hóa các hình thức phát động thi đua thiết thực, hiệu quả; chống phô trương hình thức trong thi đua.

d) Tổ chức phát động và đăng ký giao ước thi đua giữa tập thể với tập thể, giữa cá nhân với cá nhân, gia đình với gia đình trong từng địa phương, đơn vị. Tổ chức chỉ đạo xây dựng điển hình và nhân rộng điển hình tiên tiến.

đ) Sơ kết (đối với đợt thi đua dài ngày), tổng kết đánh giá kết quả, đúc kết kinh nghiệm và phổ biến những kinh nghiệm hay, những nhân tố mới, mô hình mới đã xuất hiện trong phong trào thi đua; lựa chọn và công khai biểu dương khen thưởng những cá nhân, tập thể tiêu biểu, xuất sắc.

Điều 5. Trách nhiệm tổ chức phong trào thi đua và công tác khen thưởng

1. Chủ tịch UBND tỉnh chịu trách nhiệm chỉ đạo phong trào thi đua và công tác khen thưởng của tỉnh. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh là Cơ quan tư vấn, Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) là Cơ quan quản lý nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng có trách nhiệm tham mưu giúp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh, UBND tỉnh thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng, đề xuất phương pháp đổi mới công tác thi đua, khen thưởng cho phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

2. Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, các đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm chỉ đạo phong trào thi đua và công tác khen thưởng trong phạm vi ngành, địa phương mình quản lý. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp tổ chức phát động phong trào thi đua thực hiện các chỉ tiêu,

nhiệm vụ chính trị của ngành, địa phương và của tỉnh. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của đơn vị, địa phương có trách nhiệm giúp Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức phát động các phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng; nghiên cứu, đề xuất phương pháp đổi mới công tác thi đua, khen thưởng cho phù hợp với tình hình thực tế.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể các cấp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức thực hiện và phối hợp chặt chẽ với các cơ quan nhà nước lãnh đạo, chỉ đạo, tuyên truyền vận động cán bộ, đoàn viên, hội viên, nhân dân tích cực tham gia phong trào thi đua và thực hiện tốt chính sách khen thưởng. Tổ chức giám sát việc thực hiện chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng; kiến nghị sửa đổi, bổ sung những vấn đề bất hợp lý về chính sách khen thưởng theo quy định của pháp luật.

4. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cơ quan, đơn vị căn cứ vào nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, 05 (năm) năm và nhiệm vụ chính trị được giao để tham mưu, đề xuất với cấp ủy đảng, chính quyền về chủ trương, nội dung, chương trình, kế hoạch, biện pháp thi đua; đặc biệt coi trọng công tác tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân tham gia phong trào thi đua, chủ động phối hợp với Mặt trận tổ quốc tỉnh và các tổ chức chính trị xã hội khác trong việc hướng dẫn, tổ chức các phong trào thi đua và kiểm tra việc thực hiện; tham mưu sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến; đề xuất khen thưởng và các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác thi đua, khen thưởng.

5. Các cơ quan thông tin đại chúng của tỉnh và của Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm thường xuyên theo dõi, tuyên truyền, cổ động phong trào thi đua; phổ biến những kinh nghiệm và nêu các gương điển hình tiên tiến, gương người tốt việc tốt; đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Chương III

DANH HIỆU THI ĐUA VÀ TIÊU CHUẨN BÌNH CHỌN

Điều 6. Các danh hiệu thi đua đối với cá nhân

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”:

a) Tiêu chuẩn:

Danh hiệu “Lao động tiên tiến”, được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013.

Cá nhân tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản dẫn đến bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ sở y tế thì thời gian điều trị, điều dưỡng được tính để xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 (một) năm, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời

gian công tác tại cơ quan, đơn vị để được bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”. Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 (một) năm trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, có kết quả học tập từ loại khá trở lên thì được xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

Thời gian nghỉ thai sản theo quy định được tính để bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

Đối với cá nhân chuyên công tác, cơ quan, tổ chức, đơn vị mới có trách nhiệm xem xét, bình bầu danh hiệu “Lao động tiên tiến” (trường hợp có thời gian công tác ở cơ quan cũ từ 06 (sáu) tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của cơ quan cũ).

Trường hợp cá nhân được điều động, biệt phái đến cơ quan, đơn vị khác trong một thời gian nhất định thì việc xem xét, bình bầu danh hiệu “Lao động tiên tiến” do cơ quan, đơn vị điều động, biệt phái xem xét quyết định và được cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận cá nhân được điều động, biệt phái xác nhận (*có ý kiến nhận xét của cơ quan, đơn vị tiếp nhận cá nhân được điều động, biệt phái*).

Không xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” với một trong các trường hợp: Mới tuyển dụng dưới 10 (mười) tháng, nghỉ từ 40 (bốn mươi) ngày làm việc trở lên, bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

b) Danh hiệu “Lao động tiên tiến” xét tặng cho công nhân, nông dân, người lao động không thuộc đối tượng quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này đạt các tiêu chuẩn sau:

Lao động sản xuất có hiệu quả, tích cực tham gia phong trào thi đua và hoạt động xã hội;

Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; có đạo đức, lối sống lành mạnh, đoàn kết, tương trợ giúp đỡ mọi người trong cộng đồng.

2. Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở

a) Tiêu chuẩn được xét tặng hằng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

Là “Lao động tiên tiến”;

Có sáng kiến là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được cơ sở công nhận hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu được áp dụng hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được cơ quan, tổ chức, đơn vị công nhận.

b) Tỷ lệ bình chọn danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở:

Việc bình chọn, suy tôn danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở phải đảm bảo tính điển hình tiên tiến, tránh tràn lan; căn cứ vào mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm của từng cá nhân, các Sở, Ban, Ngành, doanh nghiệp cấp tỉnh, các huyện, thị xã, thành phố bình xét danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở, nhưng mức bình xét tối đa không quá 15%

tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”. Đơn vị, địa phương nên xét chọn, bình bầu những cá nhân thật sự tiêu biểu.

c) Cơ cấu xét khen thưởng:

Việc xét khen thưởng tổng kết công tác năm theo yêu cầu các đơn vị, địa phương phải đảm bảo cơ cấu hợp lý giữa các đối tượng cán bộ có chức vụ và công chức, viên chức, người lao động; Mọi cán bộ, công chức, viên chức và người lao động có thành tích trong công tác đều được xem xét khen thưởng. Căn cứ vào mức độ thành tích đạt được, theo chức trách nhiệm vụ được giao của từng đối tượng để xét khen thưởng. Trên cơ sở so sánh thành tích giữa các cá nhân có cùng chức trách nhiệm vụ được giao, phân định thành các nhóm để xét riêng cụ thể như sau:

Cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý chủ chốt của đơn vị, địa phương, doanh nghiệp (*cấp tỉnh: Giám đốc, Phó Giám đốc và tương đương; cấp huyện: Bí thư, Phó Bí thư, Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND, Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND*);

Cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ (*cấp tỉnh: Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương; cấp huyện: Trưởng, Phó Trưởng Phòng, Bí thư, Phó Bí thư xã, Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND xã, Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND xã*);

Cán bộ, công chức, viên chức là chuyên viên, trợ lý, cán sự và tương đương;

Công nhân, nhân viên phục vụ.

Mỗi nhóm đối tượng được xét tối đa không quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” từng nhóm.

Khi tính tỷ lệ Chiến sĩ thi đua cơ sở của mỗi nhóm, nếu có số lẻ từ 0,5 trở lên thì được làm tròn thành 01 (một); Nếu nhóm có dưới 07 (bảy) cá nhân thì được xét 01 (một) cá nhân đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở.

Lãnh đạo các đơn vị trực thuộc Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh khen theo nhóm Trưởng, Phó phòng của Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh; không xét riêng nhóm lãnh đạo của từng đơn vị trực thuộc.

Đối với các Sở, Ban, Ngành có nhiều đơn vị trực thuộc như: Giáo dục, y tế thì việc chia nhóm đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức được chia thành nhiều nhóm hơn so với quy định đảm bảo các nhóm bao gồm những cá nhân có chức năng, nhiệm vụ tương đồng nhau. Đảm bảo khen thưởng công bằng giữa các đối tượng, tránh trường hợp ưu tiên tập trung khen thưởng cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh; ít khen cho đơn vị trực thuộc.

Ví dụ: Ngoài 04 (bốn) nhóm thuộc Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh như đã nêu trên, đối với các đơn vị trực thuộc có thể chia thành 03 (ba) nhóm như sau: Nhóm Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương của các đơn vị trực thuộc; nhóm công chức, viên chức không giữ chức vụ và tương đương và nhóm công nhân, nhân viên phục vụ (*lãnh đạo đơn vị trực thuộc xét chung với nhóm Trưởng, Phó phòng của Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh*).

Đối với phòng giáo dục và các Trường trực thuộc: Chia riêng nhóm chuyên viên thuộc phòng, chia nhóm giáo viên riêng, nhóm nhân viên riêng (*y tế học đường, quản lý thư viện*).

Lưu ý: Tránh trường hợp tập trung khen thưởng cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh; ít khen cho đơn vị trực thuộc.

Đối với công nhân: Tùy tình hình thực tế, các doanh nghiệp có quy định số lượng nhóm cho phù hợp.

Đối với nông dân: Giao Ban Thi đua - Khen thưởng phối hợp với Hội Nông dân tỉnh hướng dẫn về tiêu chuẩn, điều kiện xét khen thưởng cho nông dân: Chấp hành chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; có đạo đức, lối sống lành mạnh, đoàn kết, tương trợ giúp đỡ mọi người trong cộng đồng; sản xuất hiệu quả, có mô hình mới cách làm hay; tích cực thi đua các phong trào thi đua và hoạt động xã hội.

3. Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh:

a) Tiêu chuẩn và đối tượng: Được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt 02 (hai) tiêu chuẩn sau đây:

Có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số những cá nhân 03 (ba) lần liên tục đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở;

Thành tích, sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu của cá nhân đó có tác dụng ảnh hưởng rộng trong phạm vi toàn tỉnh và được Hội đồng Xét duyệt Khoa học, sáng kiến cấp tỉnh xem xét, công nhận.

b) Việc bình chọn được thực hiện cụ thể như sau:

Đơn vị, địa phương xem xét, bình chọn những cá nhân có thành tích tiêu biểu trong số những cá nhân 03 (ba) lần liên tục đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở.

Sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu của cá nhân được bình xét danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh được Hội đồng Xét duyệt Khoa học, sáng kiến cấp tỉnh xem xét, công nhận sáng kiến cấp tỉnh trước trình công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh.

Điều 7. Các danh hiệu thi đua đối với tập thể

1. Danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến:

a) Tiêu chuẩn, đối tượng:

Danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến, đơn vị tiên tiến được xét tặng hàng năm cho các tập thể tiêu biểu được lựa chọn trong số các tập thể hoàn thành nhiệm vụ, đạt các tiêu chuẩn sau:

Hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch được giao;

Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, có hiệu quả;

Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

b) Việc bình chọn được thực hiện cụ thể như sau:

Việc bình chọn phải được thực hiện công khai, đánh giá, đối chiếu thành tích đạt được của từng tập thể với 04 (bốn) tiêu chuẩn được quy định tại điểm a, khoản 1, điều này, tránh tình trạng bình bầu theo phương pháp bỏ phiếu tín nhiệm.

2. Danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc:

a) Tiêu chuẩn, đối tượng:

Danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc, được xét tặng hàng năm cho các tập thể tiêu biểu xuất sắc trong số tập thể được công nhận Tập thể Lao động tiên tiến, Đơn vị tiên tiến và đạt các tiêu chuẩn quy định tại Điều 27 Luật Thi đua, Khen thưởng 2003.

Đối tượng được xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, căn cứ vào thực tiễn quy định, theo nguyên tắc sau:

Đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh gồm: doanh nghiệp, hợp tác xã và các đơn vị trực thuộc như xí nghiệp, phòng, phân xưởng.

Đối với cấp tỉnh gồm: Phòng, ban và tương đương thuộc Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể cấp tỉnh và tương đương.

Đối với cấp huyện gồm: Phòng, ban và tương đương; các đơn vị trực thuộc cấp huyện, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

Đối với đơn vị sự nghiệp gồm: Trường học, bệnh viện và tương đương; các đơn vị trực thuộc như khoa, phòng, các trường học thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo nhưng đảm bảo các tập thể được xét “Tập thể Lao động xuất sắc” tập thể phải có từ 10 (mười) người trở lên.

b) Việc bình chọn được thực hiện cụ thể:

Việc bình chọn tặng danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc, phải được thực hiện công khai, đánh giá, đối chiếu thành tích đạt được của từng tập thể với 05 (năm) tiêu chuẩn được quy định tại Điều 27 của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003.

3. Cờ Thi đua của UBND tỉnh:

a) Khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được (hoàn thành nhiệm vụ năm): Cờ thi đua của UBND tỉnh được xét tặng vào dịp tổng kết nhiệm vụ 01 (một) năm cho các đơn vị có thành tích xuất sắc được suy tôn là đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua trong các Cụm, Khối thi đua theo quyết định của tỉnh. Mỗi khối hoặc Cụm thi đua phải có ký kết giao ước thi đua và thang điểm xét thi đua do khối thi đua hoặc Cụm thi đua ban hành sau khi trao đổi thống nhất với các thành viên và được UBND tỉnh phê duyệt.

b) Khen thưởng theo đợt, theo chuyên đề: UBND tỉnh tặng Cờ phong trào thi đua theo đợt, theo chuyên đề do tỉnh phát động hoặc nhân kỷ niệm các ngày lễ lớn, kỷ niệm thành lập ngành vào các năm chẵn (năm chẵn là năm có số chia hết cho 5 như: 05

(năm) năm, 10 (mười) năm, theo quy định của Nhà nước và Bộ, Ngành Trung ương phát động.

4. Danh hiệu Gia đình văn hoá:

Chủ tịch UBND cấp xã xét tặng hàng năm cho hộ gia đình đạt các tiêu chuẩn sau:

Gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tích cực tham gia các phong trào thi đua của địa phương, nơi cư trú;

Gia đình hòa thuận, hạnh phúc, tiến bộ; tương trợ giúp đỡ mọi người trong cộng đồng;

Tổ chức lao động, sản xuất, kinh doanh, công tác, học tập đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả.

5. Danh hiệu ấp (khóm) văn hóa:

Chủ tịch UBND cấp huyện xét tặng danh hiệu ấp (khóm) văn hoá được xét công nhận hàng năm cho các khóm, ấp và tương đương đạt các tiêu chuẩn sau:

Đời sống kinh tế ổn định và từng bước phát triển;

Đời sống văn hóa, tinh thần lành mạnh, phong phú;

Môi trường, cảnh quan sạch đẹp;

Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước;

Có tinh thần đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong cộng đồng.

Chương IV ĐỐI TƯỢNG, HÌNH THỨC, TIÊU CHUẨN XÉT KHEN THƯỞNG

Điều 8. Hình thức khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ.

Điều 9. Giấy khen

1. Khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được: Tặng thưởng hàng năm cho các tập thể, cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đối với cá nhân:

Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong năm;

Có phẩm chất đạo đức tốt; đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước;

Thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

b) Đối với tập thể:

Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong năm;

Nội bộ đoàn kết; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua;

Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm;

Thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với mọi thành viên trong tập thể.

2. Khen thưởng chuyên đề: Tặng thưởng cho các tập thể, cá nhân thực hiện tốt các chương trình mục tiêu, chỉ thị, nghị định, nghị quyết.

3. Khen thưởng đột xuất: Được tặng thưởng cho tập thể, cá nhân lập được thành tích đột xuất: Dũng cảm cứu người, cứu tài sản, gương người tốt việc tốt, có thành tích cao trong các đợt thi đua ngắn ngày, tặng thưởng cho tập thể, cá nhân ngoài địa phương, đơn vị có nhiều đóng góp cho địa phương, đơn vị.

4. Giấy khen tặng cho gia đình:

Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện để tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội từ 50 (năm mươi) triệu đến dưới 100 (một trăm) triệu đồng.

Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã để tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội từ 20 (hai mươi) triệu đến 50 (năm mươi) triệu đồng.

Điều 10. Bằng khen của UBND tỉnh tặng thưởng cho các đối tượng sau

1. Khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được: Tặng thưởng hàng năm cho các tập thể, cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đối với cá nhân: Cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do tỉnh phát động hàng năm;

Lập được nhiều thành tích có phạm vi ảnh hưởng toàn tỉnh;

02 (hai) năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 (hai) sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở.

b) Đối với tập thể: Tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;

Lập được thành tích xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong toàn tỉnh;

Tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; các huyện, thị xã, thành phố: Có thành tích tốt trong các cụm, khối thi đua của tỉnh, được các thành viên trong cụm, khối thi đua chọn đề nghị tặng Bằng khen của UBND tỉnh.

Các tập thể thuộc tổ chức, đơn vị cấp tỉnh, hoặc thuộc các huyện, thị xã, thành phố: Có 02 (hai) năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với mọi thành viên trong tập thể.

2. Khen thưởng theo chuyên đề, (theo đợt):

Tập thể, cá nhân đạt thành tích tiêu biểu xuất sắc trong việc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng, Nhà nước và của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh do tỉnh phát động, có thành tích đặc biệt xuất sắc trong các đợt thi đua theo chuyên đề của các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh và huyện, thị xã, thành phố cụ thể như:

Đối với những chuyên đề có phạm vi rộng trong toàn tỉnh (có văn bản phát động phong trào thi đua của UBND tỉnh), khi tiến hành sơ kết, tổng kết chuyên đề thì Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì lựa chọn những tập thể, cá nhân tiêu biểu xuất sắc đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen.

Đối với những chuyên đề do các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, các huyện, thị xã, thành phố phát động: Các đơn vị, địa phương phải xây dựng kế hoạch trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xem xét, phê duyệt trước khi phát động; khi sơ kết, tổng kết phong trào thi đua chọn những tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen (*kế hoạch phát động phong trào phải từ 03 (ba) năm trở lên*).

Đối với những chuyên đề không có văn bản phát động phong trào thi đua của UBND tỉnh (theo Kế hoạch của Tỉnh ủy, các Bộ, Ban, Ngành Trung ương) thì Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì, lựa chọn những tập thể, cá nhân tiêu biểu xuất sắc đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen.

Tặng Bằng khen của UBND tỉnh cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị từ 100 (một trăm) triệu đồng trở lên.

3. Khen thưởng đột xuất: Tập thể, cá nhân có thành tích mưu trí dũng cảm cứu người, cứu tài sản, gương người tốt việc tốt, đạt thành tích cao trên các lĩnh vực thể thao, văn học, nghệ thuật, giáo dục, y tế.

4. Khen đối ngoại: Cá nhân, tổ chức ngoài tỉnh và nước ngoài có nhiều công lao đóng góp xây dựng và phát triển tỉnh.

5. Tuyên dương cá nhân đạt thành tích cao:

Đây là hình thức vinh danh hàng năm bình chọn "một lần" cho các cá nhân, tập thể trong và ngoài tỉnh có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội và đạt thành tích cao trên các lĩnh vực: Văn học, nghệ thuật, văn hóa, thể dục thể thao, giáo dục - đào tạo, y tế, khoa học, kỹ thuật. UBND tỉnh khen thưởng kèm theo hiện vật (biểu trưng) và Bằng khen.

Điều 11. Các hình thức và tiêu chuẩn xét đề nghị tặng thưởng Kỷ niệm chương

Các hình thức và tiêu chuẩn xét đề nghị tặng thưởng Kỷ niệm chương của các Bộ, Ngành Trung ương; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; các loại Huân, Huy chương các hạng thực hiện theo các điều khoản Luật Thi đua, khen thưởng, các Nghị định của Chính Phủ và các văn bản hướng dẫn của Trung ương.

Chương V

**THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, TRAO TẶNG
HỒ SƠ, THỦ TỤC, THỜI GIAN XÉT ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG**

Điều 12. Thẩm quyền quyết định, trao tặng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tặng Bằng khen, Cờ thi đua, danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”, danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh.

2. Thủ trưởng Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể, Ủy ban MTTQ cấp tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện, Giám đốc các doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến” và Giấy khen.”

3. Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định tặng danh hiệu thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố văn hóa.

4. Chủ tịch UBND cấp xã quyết định tặng Giấy khen, danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Gia đình văn hóa”.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, Hợp tác xã quyết định tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến” và Giấy khen.”

Điều 13. Trao tặng các hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua

1. Việc công bố, trao tặng và đón nhận các hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ.

2. Việc trao tặng được tổ chức vào dịp lễ lớn của tỉnh, của đất nước, ngày truyền thống của ngành, ngày kỷ niệm của địa phương, đơn vị, ngày sơ kết, tổng kết phong trào thi đua, tổng kết ngành của cơ quan, đơn vị, địa phương. Các trường hợp khen thưởng thành tích đột xuất Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh, khen thưởng cấp Nhà nước, giao Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh phối hợp với đơn vị đề nghị khen thưởng tổ chức trao tặng.

Điều 14. Hồ sơ, thủ tục đề nghị khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định khen thưởng của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước

1. Hồ sơ, thủ tục xét tặng danh hiệu “Tinh anh hùng”, “Thành phố anh hùng”, danh hiệu “Anh hùng Lao động”, “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, gồm 04 (bốn) bộ (bản chính), cụ thể:

a) Tờ trình của Sở, Ban, Ngành, Ủy ban Mặt Trận Tổ quốc Việt nam, Đoàn thể cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (có ý kiến đề nghị bằng văn bản của cấp ủy Đảng cùng cấp);

b) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu Anh hùng có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền;

c) Biên bản và kết quả bỏ phiếu kín đề nghị tặng danh hiệu Anh hùng của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể cấp tỉnh, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; phải có số phiếu đồng ý của các thành viên Hội đồng từ 90% trở lên.

2. Hồ sơ trình đề nghị tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” gồm 04 (bốn) bộ (bản chính), cụ thể:

a) Tờ trình kèm theo danh sách đề nghị tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” của Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

b) Báo cáo thành tích của cá nhân đề nghị tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” trong báo cáo thành tích phải nêu rõ nội dung đề tài, sáng kiến, các giải pháp trong công tác và quản lý đem lại hiệu quả thiết thực; trường hợp sáng kiến, giải pháp, đề tài đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận thì gửi kèm bản sao giấy chứng nhận thay cho ý kiến xác nhận của Hội đồng Xét duyệt Khoa học, sáng kiến của tỉnh.

c) Báo cáo đề tài sáng kiến, giải pháp công tác của cá nhân đề nghị tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh.

d) Biên bản và kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể cấp tỉnh, huyện, thị xã, thành phố. Các trường hợp đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” phải có số phiếu đồng ý của các thành viên Hội đồng từ 90% trở lên.

3. Hồ sơ đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” gồm 04 (bốn) bộ (bản chính), cụ thể:

a) Tờ trình (kèm theo danh sách tập thể được đề nghị tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”) của Sở, Ban, Ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

b) Báo cáo thành tích của tập thể được đề nghị tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”;

c) Biên bản và kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng Thi đua, Khen thưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.”

4. Hồ sơ đề nghị tặng Huân chương các loại, mỗi loại 05 (năm) bộ (bản chính), cụ thể:

a) Tờ trình của Sở, Ban, Ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn thể cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

b) Báo cáo thành tích của các trường hợp đề nghị khen thưởng;

c) Biên bản của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể cấp tỉnh, các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

5. Hồ sơ đề nghị tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” gồm 04 (bốn) bộ (bản chính), cụ thể:

a) Tờ trình của Sở, Ban, Ngành, Ủy ban Mặt Trận Tổ quốc Việt nam, Đoàn thể cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

b) Báo cáo thành tích của các trường hợp đề nghị khen thưởng;

c) Biên bản của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể cấp tỉnh, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

6. Hồ sơ xét tặng Huân chương Đại đoàn kết dân tộc:

Hồ sơ trình khen Huân chương Đại đoàn kết dân tộc thực hiện theo Điều 53 của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP. Giao Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh phối hợp với Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh (Sở Nội vụ) phối hợp thực hiện đúng quy định.

7. Hồ sơ đề nghị tặng Huy chương Hữu nghị gồm 05 (năm) bộ (bản chính), cụ thể:

a) Tờ trình của Sở, Ban, Ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn thể cấp tỉnh, huyện, thành phố thuộc tỉnh;

b) Bản danh sách trích ngang của các trường hợp đề nghị khen thưởng Huy chương.”.

8. Hồ sơ đề nghị công nhận danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, gồm 04 (bốn) bộ (bản chính), cụ thể:

a) Tờ trình của Sở, Ban, Ngành, Ủy ban Mặt Trận Tổ quốc Việt nam, Đoàn thể cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố thuộc tỉnh.

b) Danh sách trích ngang các trường hợp đề nghị xét tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

9. Hồ sơ, thủ tục xét tặng danh hiệu “Nhà giáo, Thầy thuốc, Nghệ sĩ, Nghệ nhân”, Hồ sơ trình các danh hiệu “Nhà giáo, Thầy thuốc, Nghệ sĩ, Nghệ nhân” nhân dân, ưu tú được thực hiện theo hướng dẫn của các Bộ, Ngành chuyên môn.

10. Hồ sơ đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản, gồm 04 (bốn) bộ (bản chính), cụ thể:

a) Tờ trình của Sở, Ban, Ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt nam, Đoàn thể cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

b) Bản tóm tắt thành tích của cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp, trong đó ghi rõ hành động, thành tích, công trạng để đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản.

Điều 15. Hồ sơ đề nghị khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định khen thưởng của Chủ tịch UBND tỉnh

1. Hồ sơ đề nghị công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, gồm 02 (hai) bản chính, cụ thể:

a) Tờ trình của Sở, Ban, Ngành, Ủy ban Mặt Trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn thể cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

b) Báo cáo thành tích của các trường hợp đề nghị khen thưởng;

c) Biên bản và kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể cấp tỉnh, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

d) Báo cáo đề tài, kinh nghiệm sáng kiến, các giải pháp công tác và quản lý đem lại hiệu quả thiết thực.

đ) Quyết định công nhận các đề tài sáng kiến cải tiến kỹ thuật, giải pháp công tác của Hội đồng xét duyệt sáng kiến các Sở, Ban, Ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn thể cấp tỉnh;

2. Hồ sơ đề nghị công nhận danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc gồm 02 (hai) bản chính, cụ thể:

a) Tờ trình của Sở, Ban, Ngành, Ủy ban Mặt Trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn thể cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

b) Biên bản họp của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể cấp tỉnh, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

c) Báo cáo thành tích trong năm của các tập thể được đề nghị khen thưởng;

d) Ngoài hồ sơ nêu trên phải gửi kèm theo bản pho to quyết định công nhận danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến, danh hiệu Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cơ sở.

3. Hồ sơ đề nghị tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh gồm 02 (hai) bản chính, cụ thể:

a) Tờ trình của Sở, Ban, Ngành, Ủy ban Mặt Trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn thể cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (hoặc các cụm, khối thi đua của tỉnh).

b) Báo cáo thành tích của các tập thể được đề nghị tặng cờ;

c) Biên bản họp Hội đồng Thi đua, Khen thưởng các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể cấp tỉnh, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (hoặc Biên bản chấm điểm, bình bầu của cụm, khối thi đua).

4. Hồ sơ đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh:

a) Hồ sơ khen thưởng đột xuất (thủ tục đơn giản) gồm 02 (hai) bản chính, cụ thể:

Tờ trình của Sở, Ban, Ngành, Ủy ban Mặt Trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn thể cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Bản tóm tắt thành tích của cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp, trong đó ghi rõ hành động, thành tích, công trạng để đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản

b) Hồ sơ đề nghị khen thưởng theo đợt, chuyên đề lập 02 (hai) bộ bản chính, cụ thể:

* Trường hợp thành tích đã rõ ràng, cụ thể (Hội thi, hội diễn, kỳ thi), hồ sơ gồm:

Tờ trình đề nghị của cơ quan tổ chức cuộc thi;

Biên bản chấm điểm và bình chọn của ban giám khảo Hội thi

* Trường hợp đề nghị khen thưởng theo đợt, chuyên đề, hồ sơ gồm:

Tờ trình của Sở, Ban, Ngành, Ủy ban Mặt Trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn thể cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng.

Biên bản họp của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể cấp tỉnh, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Kế hoạch tổ chức phát động phong trào thi đua thực hiện theo chuyên đề, trong đó cần nêu rõ tiêu chuẩn và số lượng tập thể, cá nhân được đề nghị xét khen thưởng.

c) Hồ sơ đề nghị khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được lập 02 (hai) bộ bản chính, cụ thể:

Tờ trình của Sở, Ban, Ngành, Ủy ban Mặt Trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn thể cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Báo cáo thành tích 02 (hai) năm trở lên liên tục của các tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng (báo cáo theo mẫu số 01 đối với tập thể, mẫu 02 đối với cá nhân - các mẫu báo cáo được quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.);

Biên bản họp bình xét thi đua của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể cấp tỉnh, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Bản photocopy các Quyết định công nhận sáng kiến, giải pháp;

Phiếu đánh giá cán bộ công chức, viên chức có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị.

Đối với những đơn vị có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, khi trình các hình thức khen thưởng: Cờ thi đua, Bằng khen, Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, Tập thể Lao động xuất sắc và các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước cho tập thể hoặc cá nhân là Thủ trưởng đơn vị, trong báo cáo thành tích phải kê khai rõ các nội dung sau:

Số tiền thuế và các khoản thu khác thực tế đã nộp trong năm so với đăng ký;

Tỷ lệ % về số nộp ngân sách nhà nước so với năm trước;

Cam kết đã nộp đủ, đúng các loại thuế, các khoản thu khác theo quy định của pháp luật và nộp đúng thời hạn.

Trong quá trình thẩm định hồ sơ khen thưởng cho các doanh nghiệp và người đứng đầu doanh nghiệp, việc thẩm định mức độ hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, thực hiện đúng quy định về chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, đóng kinh phí công đoàn, bảo vệ môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, và chấp hành chế độ, chính sách, pháp luật khác do đơn vị trình khen đề nghị cơ quan quản lý thuế xác nhận và Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh có trách nhiệm xác minh tính

trung thực, cơ quan trình khen và cơ quan quản lý thuế chịu trách nhiệm đối với tính trung thực của kết quả xác nhận và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Điều 16. Hồ sơ đề nghị hiệp y khen thưởng

Hồ sơ đề nghị hiệp y khen cao gồm 02 (hai) bộ bản chính, gồm:

1. Tờ trình đề nghị của cơ quan, đơn vị đề nghị hiệp y;
2. Văn bản hướng dẫn của Bộ, Ban, Ngành, Đoàn thể Trung ương;
3. Báo cáo thành tích tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng.

Điều 17. Quy định chung về tuyển trình khen

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ và Điều 2 Thông tư số 08/2017/TT-BNV của Bộ Nội vụ và một số nội dung sau:

2. Cấp nào quản lý về tổ chức, cán bộ và quỹ lương thì cấp đó có trách nhiệm trình cấp trên khen thưởng đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

3. Cấp nào chủ trì phát động các đợt thi đua theo chuyên đề, khi tổng kết lựa chọn các điển hình thì cấp đó khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng.

4. Các doanh nghiệp do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập hoặc cổ phần hoá, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) xét khen thưởng.

5. Đối với các đơn vị ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh do Bộ, Ngành Trung ương quản lý về biên chế, tổ chức thì do cơ quan cấp trên của các đơn vị đó xét công nhận danh hiệu thi đua và khen thưởng tổng kết công tác năm. Chủ tịch UBND tỉnh không xét công nhận các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng về thành tích công tác năm cho tập thể, cá nhân thuộc các đơn vị nêu trên.

6. Đối với các tổ chức kinh tế ngoài quốc doanh, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, cấp nào quyết định cổ phần hóa, quyết định thành lập hoặc cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho tổ chức đó thì cấp đó trình khen thưởng.

7. Đối với người lao động, tập thể người lao động làm việc tại các cơ sở hợp tác xã và trong các ngành nghề nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, vận tải, dịch vụ, thương mại được xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý các đối tượng trên xét, quyết định tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” và đề nghị Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh xét, tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Tập thể Lao động tiên tiến”.

8. Đối với các doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty liên doanh nước ngoài... hoạt động độc lập, do giám đốc doanh nghiệp xét, tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến”. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh) nơi doanh nghiệp có trụ sở làm việc xét tặng hoặc ủy quyền cho giám đốc doanh nghiệp xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ

sở”. Đối với các doanh nghiệp là thành viên của tập đoàn kinh tế, tổng công ty (hoặc tương đương) giám đốc doanh nghiệp thành viên xét, tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Tập thể Lao động tiên tiến” và danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

9. Đối với các cơ quan, đơn vị, các doanh nghiệp mới thành lập phải có thời gian hoạt động từ 01 năm (12 tháng) trở lên mới bình xét danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”, “Tập thể Lao động xuất sắc”.

Điều 18. Thời gian trình và xử lý hồ sơ khen thưởng

1. Đối với việc công nhận danh hiệu thi đua và khen thưởng công tác năm gồm Bằng khen, danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc, Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh và Cờ thi đua xuất sắc của UBND tỉnh; danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc, Cờ thi đua của Chính phủ: các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố có tờ trình và hồ sơ đề nghị khen thưởng gửi về Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) chậm nhất vào ngày 31 tháng 3 hàng năm. Riêng Ngành Giáo dục, thời gian nộp hồ sơ chậm nhất vào ngày 30 tháng 7 hàng năm.

2. Đối với Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và Huân chương các loại, các hạng: các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố có Tờ trình và hồ sơ đề nghị khen thưởng gửi về Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) chậm nhất vào ngày 15 tháng 4 hàng năm. Riêng Ngành Giáo dục, thời gian nộp hồ sơ chậm nhất vào ngày 31 tháng 8 hàng năm.

3. Thời gian thẩm định hồ sơ khen thưởng:

a) Thời gian thẩm định hồ sơ khen thưởng tại cấp xã, cấp huyện thuộc tỉnh:

Đối với hình thức khen thưởng thường xuyên thuộc thẩm quyền quyết định của cấp xã, cấp huyện: Cơ quan thi đua, khen thưởng thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

b) Thời gian thẩm định hồ sơ khen thưởng tại Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh:

Đối với hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh, Ban Thi đua - Khen thưởng thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình UBND tỉnh trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

Trường hợp các đơn vị yêu cầu có kết quả khen thưởng trước thời gian quy định phải xin chủ trương lãnh đạo UBND tỉnh bằng văn bản.

c) Thời gian thông báo, trả kết quả khen thưởng:

Đối với khen thưởng cấp tỉnh: Sau khi nhận được quyết định khen thưởng của Chủ tịch UBND tỉnh, trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh thông báo và trả kết quả khen thưởng cho đơn vị trình khen thưởng.

Đối với khen thưởng cấp Nhà nước: Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh sẽ thông báo và trả kết quả khen thưởng cho đơn vị trình khen thưởng, khi Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương chuyển đầy đủ các hiện vật khen thưởng về Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh như: Quyết định khen thưởng, khung, Bằng khen.

Nếu hồ sơ không đúng tuyến trình, Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh phải thông báo và trả hồ sơ cho cơ quan trình khen.

Điều 19. Quy định về biểu mẫu

1. Mỗi danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng có quy định các tiêu chuẩn, điều kiện khác nhau, khi lập hồ sơ đề nghị khen thưởng cần báo cáo đúng biểu mẫu, bám sát tiêu chuẩn khen thưởng, tóm tắt sáng kiến đề tài hiệu quả và văn bản công nhận.

2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng, báo cáo cần làm rõ đủ điều kiện và thành tích. Thành tích tập trung vào nhiệm vụ chủ yếu, có số liệu so sánh, chứng minh.

3. Thực hiện 09 mẫu báo cáo thành tích theo phụ lục của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

4. Các biểu mẫu cấp đổi hiện vật khen thưởng: Thực hiện theo Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 85/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ quy định mẫu huân chương, huy chương, huy hiệu, kỷ niệm chương; mẫu bằng, khung, hộp, cờ của các hình thức khen thưởng và danh hiệu thi đua; quản lý, cấp phát, cấp đổi, cấp lại, thu hồi hiện vật khen thưởng.

Chương VI QUY ĐỊNH VỀ SỬ DỤNG QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG VÀ MỨC TIỀN THƯỞNG

Điều 20. Nguồn và mức trích quỹ

Được thực hiện theo quy định tại Điều 65 Nghị định số 91/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

Điều 21. Sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng

1. Việc sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng được thực hiện theo quy định tại Điều 66 Nghị định số 91/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ và một số quy định cụ thể sau:

2. Tiền thưởng kèm theo các quyết định khen thưởng của Chủ tịch UBND tỉnh và Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ do UBND tỉnh trình khen thưởng được chi từ quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh.

3. Khen thưởng theo chuyên đề (đối với những chuyên đề do tỉnh phát động), khen thưởng đột xuất, khen thưởng tổng kết cụm, khối thi đua của tỉnh chi từ quỹ thi đua, khen thưởng tỉnh.

4. Khen thưởng các chương trình mục tiêu, hội thi, hội diễn (theo Kế hoạch của UBND tỉnh) do đơn vị chủ trì, tham mưu dự toán tổ chức nguồn kinh phí hoạt động riêng, khi đề nghị khen thưởng sử dụng nguồn kinh phí đó để chi thưởng theo quy định.

Điều 22. Nguyên tắc tính tiền thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 68 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

Điều 23. Mức tiền thưởng

Thực hiện theo quy định tại các Điều 69, 70, 71, 72, 73 và Điều 74 của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

Điều 24. Các quyền lợi khác

Thực hiện theo quy định tại Điều 75 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Hướng dẫn thực hiện Quy chế

Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra các Sở, Ban, Ngành, các huyện, thị xã, thành phố thực hiện Quy chế này và theo dõi, tổng hợp những vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện, trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Điều 26. Tổ chức thực hiện Quy chế

Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành, các cơ quan Đảng, Mặt trận, Đoàn thể cấp tỉnh, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, các doanh nghiệp, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm chỉ đạo phổ biến, tổ chức thực hiện tốt Quy chế này trong cơ quan, đơn vị, địa phương và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh.

Thực hiện chế độ báo cáo sơ kết 6 tháng đầu năm trước ngày 30 tháng 6 và báo cáo tổng kết năm trước ngày 31 tháng 12 hàng năm về kết quả thực hiện phong trào thi đua, nêu rõ các phong trào thi đua mới đã mang lại hiệu quả; giới thiệu các điển hình tiên tiến và gửi về Ban Thi đua, Khen thưởng tỉnh để tổng hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Dương Thành Trung